

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM  
KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO  
QUYỂN 47**

**Phẩm 24: ĐÀU SUẤT CUNG TRUNG KỆ TÁN**

- Số câu: “Trong văn nói Tràng, lược có năm nghĩa”: Sách San định ký nói có bảy nghĩa, nay lược bớt hai.

Từ câu: “Một là nghĩa cao xuất, hai là nghĩa kiến lập” tiếp xuống: Tức trong phần nói về Bồ thí “Tràng phan” (cờ phướn) đều có văn này: “Một là cao xuất ( nêu ra sự cao lớn), cũng gọi là “Cao hiển”. Hiển tức là Hiển hiện, cũng là nghĩa “Xuất”. Phần sau của Kinh nói: “Nguyện cho tất cả chúng sinh tạo được “Tràng” hiển bày sự cao lớn, đốt đèn trí tuệ soi chiếu khắp thế gian.”

Từ câu: “Hai là kiến lập” tiếp xuống: Kinh viết: “Nguyện cho hết thảy chúng sinh dựng được “Tràng” kiên cố, đều có thể phá trừ hết mọi thứ ma nghiệp”.

Bảy nghĩa theo Sanh định ký là:

Một: Kiên cố.

Hai: Diệt trừ mọi sự khủng bố.

Ba: Quy hướng.

Bốn: Kiến lập.

Năm: Cao hiển.

Sáu: Phá trừ hết thảy.

Bảy: Chẳng bị kẻ khác hủy hoại.

Nay cho “Kiên cố” tức “Chẳng bị kẻ khác hủy hoại”. Dựa theo chỗ Kinh nêu dẫn trên thì được thấu tóm trong phần “Kiến lập”. Lại nữa, “Kẻ khác chẳng thể hủy hoại” được thấu tóm trong “Diệt trừ mọi sự khủng bố”. Kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ ba mươi một có đoạn: “Tu tập Giới Định Tuệ như “Đế Thích tràng” “Không hề di chuyển”. Do đó lược bỏ bớt hai nghĩa: “Chẳng bị kẻ khác hủy hoại” và “Kiên cố”.



- Số câu: “Nghĩa Quy hương”: Tức trong số đông, nhiều, có được như ngọn đèn nơi cờ pháp, làm chỗ quy về cho đại chúng.

Câu: “Bốn là phá trừ hết thảy”: Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ bảy mươi tám có đoạn: “Tâm Bồ đề như “Tràng” của vị tướng dũng mãnh, “Hàng phục hết thảy các thứ quân Ma”.

Câu: “Năm là diệt trừ mọi sự khủng bố”: Trí Luận, quyển thứ hai mươi bốn nêu rõ, tu tập tám Niệm thì có thể diệt trừ mọi sự khủng bố.

Nói “Tám Niệm”, tức sáu Niệm thêm: Niệm về hơi thở ra vào và Niệm về Oán. Ở trong Niệm về Tam Bảo đã nêu dẫn Kinh để làm rõ: “Phật nói với các Tỳ kheo” Thích Đề Hoàn Nhân cùng với A-tu-la đánh nhau. Nơi trận chiến lớn đã nói với Thiên chúng: Lúc chư vị cùng A-tu-la đánh nhau, ví như có sợ hãi thì nên niệm “Tràng” bảy báu của ta, mọi khủng bố liền diệt. Nếu chẳng niệm “Tràng bảy báu” ấy thì nên niệm “Tràng báu” của Thiên tử Y-xá-na, mọi khủng bố liền được trừ. Như chẳng niệm “Tràng báu” đó thì nên niệm “Tràng báu” của Thiên tử Bà-lâu-na, mọi khủng bố cũng liền được tiêu trừ”. Do vậy nên biết “Tràng” nghĩa là diệt trừ mọi sự sợ hãi.

- Số câu: “Cho nên văn ở đoạn tiếp sau nói Bồ tát Từ Thị v.v...”: Tức nơi quyển thứ sáu mươi bảy kinh Hoa Nghiêm, nói về Trưởng giả Ưu Bát La Hoa. Kinh viết: “Thiện nam! Trong cõi Trời Đâu Suất có loại Hương tên là Tiên đà Bà, nếu đốt một thẻ hương ấy nơi trước tòa ngồi của Bồ tát Nhất sinh bồ xứ, thì sẽ dấy lên đám mây hương lớn che phủ khắp pháp giới, mưa xuống đủ tất cả vật dụng cúng dường để cúng dường hết thảy chư Phật, Bồ tát”.

- Số câu: “Một là Lìa chướng, Thân thành tựu đối nhau”: Tức nói về mười đối của phần này. Do văn dễ lãnh hội, nên phần Sơ giải không nêu rõ về kinh văn. Nay sẽ nêu ra:

- Đoạn thứ hai, từ câu: “Vào tất cả các cõi” tiếp xuống: Là vào các cõi, gần Phật đối nhau.

- Đoạn ba, từ câu: “Nơi một niệm” tiếp xuống: Là đối thứ ba.

- Đoạn bốn, từ câu: “Vô lượng vô số” tiếp xuống: Là đối thứ tư.

- Đoạn năm, từ câu: “Thường do niệm thanh tịnh” tiếp xuống: Là đối thứ năm.

- Đoạn sáu, từ câu: “Dùng Tiểu hội nhập Đại” tiếp xuống: Là đối thứ sáu.

- Đoạn bảy, từ câu: “Đạt được Nhất Thiết Trí” tiếp xuống: Là đối thứ bảy.

- Đoạn tám, từ câu: “Tất cả Như Lai” tiếp xuống: Là đối thứ

tám.

- Đoạn chín, từ câu: “Tức Kim cương” tiếp xuống: Là đối thứ chín.

- Đoạn mười, từ câu: “Đã được thần thông tự tại của chư Phật” tiếp xuống: Là đối thứ mười: Trước là đạt được thần thông. Sau, từ câu: “Nơi tất cả số lượng” tiếp xuống: Là xác lập pháp.

- Số từ câu: “Nghĩa là, thế tục là Tướng của cái có Huyền” tiếp xuống: Là chỉ rõ riêng về Tướng của sự dung thông Chân tục.

Tướng từ duyên sinh, nêu rõ Thế tức Không. Lý chẳng phải là đoạn diệt nên luôn tự có. Ở đây có ba ý:

Trên đây là ý thứ nhất, dùng để biện minh Thế hiện có.

Hai: Từ câu: “Có là cái có của Không” tiếp xuống: Là nêu rõ về hai để dung hợp, thấu triệt thành một: Tức Có là Không, tức Không là Có.

Ba: Từ câu: “Có Không, Không có” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận sự dung thông. Tức như Kinh Nhân Vương viết: “Ở nơi đó luôn tự có hai. Ở chỗ lãnh hội luôn tự có một. “Thông đạt chỗ không hai ấy là hội nhập đích thực vào Đệ nhất nghĩa.

Từ câu: “Trí của Bồ tát khế hợp” tiếp xuống: Là tổng kết, xác nhận chủ thể tạo lập.

Phần thứ ba là Kệ tán:

- Số từ câu: “Hiển bày chung về Hội hưởng không ra ngoài Bi Trí” tiếp xuống: Toàn bộ văn được phân làm bốn:

Một: Nêu lên.

Hai: Từ câu: “Tức Trí của Bi” tiếp xuống: Là cùng nêu ra nghĩa Bi, Trí làm kim cương.

Ba: Từ câu: “Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ bảy mươi tám nói” tiếp xuống: Dẫn chứng về văn nêu Bi được xem như kim cương.

Bốn: Từ câu: “Cho nên biết Kim cương” tiếp xuống: Là tóm kết, phê phán. Do xưa nay các vị sư đều chỉ dùng Bát-nhã dụ như Kim cương.

Từ câu: “Chẳng xem kỹ trong văn” tiếp xuống: Là xác nhận ý thiếu sót kể trên. Do nơi kinh kim cương đã nêu đủ về Bi, Trí. Kinh viết:

“Phật nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Các đại Bồ tát nên hàng phục tâm mình như thế. Đối với hết thảy các loài chúng sinh, hoặc sinh từ trứng, sinh từ thai, sinh từ chốn ẩm thấp, sinh bằng biến hóa. Hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc có tướng, hoặc không có tướng, hoặc chẳng

phải là có tướng, hoặc chẳng phải là không có tướng, Bồ tát đều khiến nhập Niết-bàn Vô dư mà diệt độ (Tâm bi cứu độ chín loài). “Diệt độ” vô số chúng sinh như thế mà thật không có chúng sinh nào được “Diệt độ” (đại trí, nhưng không chấp nơi đối tượng được độ).

Nên phần Sở giải đã kết luận: “Bi, Trí cùng vận hành”.

- Sở câu: “Nhưng phạm tinh tấn tu tập lược có năm pháp”: Là giải thích về ba kệ này ( ba kệ sau của Bồ tát Kiên Cố Tràng) tự có hai lớp:

Một: Căn cứ nơi năm pháp, Tức văn của Trí Luận. Tông Thiên Thai đã dùng năm pháp ấy để làm thành hai mươi lăm phương tiện Luận Chỉ Quán nêu: “Nghĩa là, hai mươi pháp trước tuy đầy đủ, nhưng nếu không có tâm vui thích, mong muốn hâm mộ (một) không có; thân tâm gắng sức chịu khổ (Hai); không có nhớ nghĩ (Ba); không có tạo phương tiện (Bốn), không có nhất tâm quyết chí (Năm) thì Chỉ, Quán không do đâu mà hiện tiền.”

**Giải thích:** Trên tức là giải thích theo hướng ngược. Dưới là giải thích theo hướng thuận. năm pháp là:

Một: Nếu có thể vui mừng, mến mộ không chán;

Hai: Sớm tối không biếng trễ;

Ba: Niệm niệm tương tục;

Bốn: Khéo đạt được ý ấy;

Năm: Nhất tâm không đổi khác;

Người đủ năm pháp này có thể tiến lên con đường trước mặt. “Nhất tâm” là dụ cho bánh lái của thuyền. Trí tuệ thiện xảo như điểm đầu, ba pháp kia như sào chèo, mái chèo. Nếu thiếu một sự thì không an ổn. Không có năm pháp này Thiền thuộc sự hầy còn khó được, huống chi được Định thuộc lý.

- Sở từ câu: “Lại nữa, Luận của Từ Thị” tiếp xuống: Là phần thứ hai, giải thích về chín Nhân. Tức nơi Luận Du Già.

Kinh với thí dụ “Đề hồ”, tức kinh đại Bát Niết-bàn. Kinh nói đến năm vị: Từ bờ cho ra vị Sữa, đến vị Đề hồ. Đề hồ dụ cho đại Bát Niết-bàn. Kinh ấy, quyển thứ ba mươi tám, nêu rõ về ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đã cho căn bản là Dục. Nhân gọi là minh (vô minh) Xúc, thân tóm, giữ lấy gọi là Thọ. Tăng trưởng gọi là Khéo tư duy. Chủ gọi là Niệm. Đứng đầu gọi là định. Tối thắng gọi là Trí Tuệ. Thật gọi là giải thoát. Rốt ráo gọi là đại Bát Niết-bàn. Diễn rộng như Kinh ấy đã nêu. Nay, tức Luận Du Già dẫn Kinh, nên Kinh, Luận không trái nhau.

- Sở câu: “Dục là căn bản”: Tức dấy khởi hy vọng.

“Hai, Tác ý là chỗ phát sinh”: Tức luôn luôn cảnh giác.

“Ba, Xúc là chỗ tập khởi”: Tức hòa hợp với Tâm, Tâm sở, đối diện với cảnh thù thắng.

“Bốn, Thọ là chỗ dẫn khởi, thâm tóm”: Là lãnh nhận nơi Tâm.

“Năm, do Niệm là chủ”: Tức thường gọi là ghi nhớ.

“Sáu, Định là đứng đầu”: Tức Tâm trong lặng, tịch tĩnh.

“Bảy, Tuệ là tối thắng”: Tức lựa chọn thiện ác.

“Tám, Giải thoát là kiên cố”: Là dứt mọi sự trói buộc.

“Chín, Xuất ly là biên vực sau cùng”: Tức nẻo giác ngộ đã viên mãn.

- Từ câu: “Có trước chưa hẳn” tiếp xuống: Là tổng kết phần giải thích.

- Số câu: “Câu tiếp theo là nguyên nhân của Xúc cùng Thọ”: Tức ở nơi Phật, được thấy Phật, nghe pháp đều là Xúc đối trước sự thấy, nghe, ắt lãnh hội nơi Tâm.

“Câu tiếp theo là Định cùng giải thoát”: Là Tu tập tức Tâm định, trong lặng. Thanh tịnh là giải thoát thì có thể nhận biết.

“Câu sau, đi theo nẻo hành hóa của Phật” tức là đã xuất ly, nẻo giác ngộ đã viên mãn.

- Số câu: “Nhân duyên hòa hợp mới có thể thấy được”: Tức chính là đồng với Kinh Kim Cương. Kinh viết: “Như người có mắt sáng, lại nhờ ánh sáng mặt trời soi chiếu, nên thấy được vô số hình sắc”. Song kinh ấy, trong việc dùng mặt trời Bát-nhã làm pháp để nêu rõ Tâm chẳng trụ nơi Pháp, tức trong Tâm tự có nhân duyên, chẳng giống với Phật lực là ánh sáng mặt trời.

- Số câu: “Do nhân đoạt duyên”: Nhân tức là Lực tinh tấn.

Nói “Như Phẩm Xuất Hiện viết”: Tức là hào quang của Phật cứu độ chúng sinh nơi địa ngục được sinh lên cõi Trời, các chúng sinh ấy liền suy niệm: “Đây là diệu lực từ uY thần của đức Như Lai”.

Phật bèn đáp rõ: “Đây chẳng phải là diệu lực từ uY thần của Như Lai. Nếu một chúng sinh ở nơi chỗ của Như Lai chẳng vun trồng thiện căn, mà có thể đạt được một ít trí tuệ của Như Lai, là điều không hề có.”

- Số câu: “Chẳng phải nghĩa là cái ấy chẳng phải biến hóa”: Ở đây, hoàn toàn ngăn chặn, tức loại bỏ mọi dấu vết để hội nhập vào nẻo huyền diệu. Cho nên người xưa nói: “Ta nói chẳng phải có tức là: Chỉ nói chẳng phải cái có ấy, chứ không nói là chẳng phải có. Như người trong đêm tối, thấy gốc cây trơ trụi cho đó là người. Kể trí bảo cho biết

đấy chẳng phải là người, chỉ là nói chẳng phải cái chấp là người trong tâm kẻ kia. Người ngu nghe vậy liền cho gốc cây trụi ấy chẳng phải là người. Chẳng phải là người tức là Quý. Chấp về người tuy là không, nhưng chấp về Quý liền đấy khởi, nên là mê lầm. Do vậy, chỗ giải thích nói: “Nửa trên của kệ là dứt tuyệt mọi đối đãi, tức Hóa cùng với chẳng Hóa đều mất”.

- Sở câu: “Hai là chẳng ngăn ngại nơi Hóa”: Tức giải thích lần nữa. Cũng lại là “Chẳng phải là phi hóa”. Đây tức là dùng Hóa để loại bỏ phi Hóa.

“Chính câu trên chẳng phải là biến hóa” Tức là Chân thân.

“Cũng lại chẳng phải là phi hóa”: Tức có cái dụng của Hóa. Cho nên ở trước giải thích nói: “Nửa trên của kệ là Thể, nửa dưới là Dụng. Nay ở đây thì nửa trên đã tự gồm đủ Thể, Dụng. Dựa nơi nghĩa sau để giải thích rộng về văn Kinh. Gồm hai phần:

Một: Biện minh chung.

Nhưng căn cứ nơi hai Thân thì có nhiều nghĩa: Thứ nhất: Pháp thân, Báo thân hợp lại là Chân thân, Ứng thân, Hóa thân hợp lại là Hóa thân. Thứ hai: Pháp thân dùng làm Chân thân. Báo thân, Ứng thân đều là Hóa thân.

Nay dựa nơi nghĩa này nên cho rằng: “Chẳng phải cho là ba Thân thì riêng độc lập một Hóa Thân”.

- Sở từ câu: “Vả lại, dựa nơi Chân” tiếp xuống: Là phần hai, chia chương để giải thích riêng. Gồm hai:

Một: Trong chỗ giải thích rộng về nghĩa, nói: “Đều có hai nghĩa”: Tức Chân đồng với Chân như. Hóa đồng với Y tha. Đều có hai nghĩa, lại không riêng biệt, như trước đã giải thích. Song, trước là theo Tướng chung mà nói về Chân như, Y tha. Nay thì dựa theo Thân Phật để nói về hai nghĩa.

- Sở câu: “Thâu tóm tính chất Vô tánh của duyên”: Tức nhận biết Báo thân cũng là nghĩa do duyên thành.

- Sở câu: “Hai là dung hợp, Chân, Hóa hợp riêng”: Tức hai nghĩa trên của Chân như tự hợp với hai nghĩa trên của Y tha. Đều thành bốn Luận chứng.

Bốn Luận chứng trong Chân là:

Một: Chân.

Hai: Chẳng phải là Chân.

Ba: Cùng.

Bốn: Dứt mất.

Do hai nghĩa trước dễ hiểu nên không biện minh. Lại là Hợp nên không chia ra. Chỉ nêu rõ về hai câu sau. Hai nghĩa trong Hóa cũng như thế.

- Số câu: “Hai là dung thông”: Tức đem hai nghĩa của Chân như cùng với hai nghĩa của Y tha hỗ tương thâm tóm. Văn của phần này có bốn đoạn:

Hai đoạn trước: biện minh bốn nghĩa quan hệ, dung thông.

- Đoạn ba lại dung hợp hai đoạn trên.

- Đoạn bốn, từ câu: “Chân, Hóa dung thông” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận pháp giới một vị.

Trong bốn đoạn, gồm hai:

Một: Dùng nghĩa Bất biến của Chân như, cùng với nghĩa Thể Không của Y tha kết hợp. Do ở nơi duyên Bất biến, nên hiển bày Thể Không. Thể Không tức Chân như. Đây tức là “Lý của Chân đạt Sự” nên “Chân chẳng là không có”. Thể Không, Bất biến tức là Chân Không, nên “Hóa chẳng là có”, tức là Y tha hoàn toàn là Thể Không.

Hai: Từ câu: “Lại do Chân tùy duyên” tiếp xuống: Là dùng nghĩa Tùy duyên ở trên của Chân như, cùng với nghĩa Huyền có của Y tha kết hợp. Đây tức là Môn: “Lý của Chân thành Sự”. “Hóa chẳng là không có”. Do có thể thành Sự nên “Chân chẳng là có” tức là nêu rõ Thể tùy duyên.

Lại nữa, hai nghĩa trên, thì nghĩa thứ nhất hàm chứa môn: “Sự có thể hiển bày Lý”. Cho nên nói “dung của Hóa chẳng là không có”, do có nghĩa Không trong Hóa. Vì Hóa sinh tức là “Không” có thể hiển bày Lý.

Trong nghĩa thứ hai gồm luôn môn: “Đạt Sự nên có thể ẩn giấu Lý”. Cho nên viết: “Lý của Chân chẳng là không có”, tức chỉ là Tùy duyên.

- Số từ câu: “Lại do Tùy duyên, Huyền có” tiếp xuống: Là đoạn thứ ba, dung hợp chung hai đoạn trên. Do ở trước, trong phần đều kết hợp riêng, hai nghĩa đã dung hợp. Nay, Chân Hóa lại cùng dung hợp.

- Số từ câu: “Chân, Hóa dung thông” tiếp xuống: Là đoạn thứ tư, tóm kết, xác nhận Pháp giới một vị, có thể nhận biết.

- Số câu: “Bồ đề là Hữu pháp. Định, lúc không còn hệ thuộc, nên là Tôn pháp”: “Nhân minh Sở” viết: “Chỗ nêu bày trước là Hữu pháp. Chỗ nêu bày sau là Tông. Pháp cùng với Hữu pháp hòa hợp gọi là Tông.

Nói “Hữu pháp”, Tức do nơi nêu bày trước là chỗ nương tựa, nên



có thể có nêu bày sau. Hữu pháp chỉ là duy trì tự tánh nơi pháp, không có nghĩa “Phép tắc”. Chỗ nêu bày sau thì gồm đủ cả hai. Nghĩa là do lúc không có chấp giữ, biết là pháp thường. Như do vô thường mà biết là Hữu vi v.v...” Tạo kệ thứ nhất về Lượng:

*“Thể nhật không phân biệt  
Chẳng cùng đêm tối hợp  
Như Lai không phân biệt  
Chẳng cùng ba đời hợp”.*

Hai là căn cứ vào “Chẳng phải là thế gian” làm Nhân, Bồ đề là Hữu pháp, Định khi không còn hệ thuộc là Tông pháp... Kệ kết hợp nói:

*“Nhật chẳng thuộc nơi thời  
Chẳng cùng đêm tối hợp  
Phật chẳng phải thế pháp  
Chẳng cùng ba đời hợp”.*

Ba là căn cứ chỗ siêu vượt các số lượng...kệ viết:

*“Mặt trời chẳng hiện, ẩn  
Chẳng cùng đêm tối hợp  
Như Lai phi Hữu vi  
Chẳng cùng ba đời hợp.”*

- Lại nữa, nếu dùng siêu thời, hiện thời v.v... thì bốn câu đều là Tông. Nếu dựa vào cách giải thích trước thì hai câu trên là nhắc lại vọng tình. Nay đem hai câu trên hợp với nửa sau thì thành Kệ nơi Kinh:

*“Như Lai đạt Bồ đề  
Thật chẳng thuộc thời gian  
Mà tùy chúng sinh, nói  
Ngày ấy Phật thành đạo.”*

Nên phần Sở giải viết: “Định không bị lệ thuộc vào thời gian. Tùy theo căn cơ nói thời gian là Tông pháp. Mà nêu ra Nhân là: “Thể chẳng phải ba đời, chẳng ngăn ngại ba đời”. Chữ “Đẳng” là chỉ cho: Không phân biệt chẳng ngăn ngại phân biệt. Chẳng phải là Hữu vi chẳng ngăn ngại Hữu vi”. Hợp v.v... thì có thể nhận biết...

Nếu tạo kệ câu năm chữ tức nêu:

*“Mặt trời tỏa khắp núi  
Không lúc nào ngày đêm  
Thể Phật chẳng ngăn dụng  
Thường trụ nói ba đời.”*

Hoặc câu bảy chữ là:

*“Thể nhật luôn sáng tùy tỏa khác  
 Chẳng hợp đêm tối nói đêm tối  
 Thể Phật như nhiên, tùy cơ ứng  
 Siêu vượt ba đời nói ba đời.”*

Đối chiếu với ba Nhân nêu trên cũng có thể nói:

*“Nhật là phân biệt, tùy tỏa khác  
 Phật không phân biệt tùy cơ ứng”.*

Đều có thể đạt được ý.

- Bồ tát thứ bảy: (Bồ tát Tinh Tấn Tràng)

- Sở từ câu: “Nghĩa cũng như thế. Ở đây bao hàm nhiều ý” tiếp xuống: Nêu ra ba ý:

Một: Giải thích ba Thân cùng với nghĩa Phật. Thể tức Pháp thân. Y là Báo thân, Tụ là Hóa thân.

Từ câu: “Đối tượng được giác ngộ, chủ thể giác ngộ” tiếp xuống: Là giải thích nghĩa Phật. Đối tượng được giác ngộ là Pháp thân. Chủ thể giác ngộ là Báo thân. Giác ngộ cho kẻ khác là Hóa thân.

Hai: Từ câu: “Lại, sở dĩ nghĩa, tên gọi” tiếp xuống: Là nêu rõ nguyên do thành Phật, tức gồm đủ các đức. Phẩm Văn Minh nói: “Tất cả Thân chư Phật; chỉ là một Pháp thân. Một tâm một Trí tuệ. Lực vô úy cũng thế”.

Ba: Từ câu: “Lại nữa, dụng ứng hợp” tiếp xuống: Tức căn cứ nơi lợi tha để biện giải về chỗ giống nhau.

Nói “Pháp thân tạo năm Nghiệp” Tức chỉ cho ba Thân: Ứng, Hóa, Pháp. Về năm Nghiệp, Bồ tát Thế Thân nơi “Nhiếp Luận Thích” quyển thứ mười nói:

Thứ nhất là cứu giúp chúng sinh bị tai nạn là Nghiệp. Trong tức thời thấy biết liền có thể cứu độ bao kẻ mù, điếc, cuồng v.v...

Thứ hai, cứu độ nơi cõi Ác là Nghiệp. Đưa các chúng sinh ro khỏi chốn bất thiện, đến nơi thiện.

Thứ ba, cứu độ chúng sinh nơi nẻo “Phi phương tiện” là nghiệp. Khiến cho các ngoại đạo lìa bỏ nẻo “Phi phương tiện”, cầu con đường giải thoát, an trụ trong Thánh giáo của Như Lai.

Thứ tư, cứu độ hàng chúng sinh theo “Tất-già-da kiến” là Nghiệp, trao truyền chánh pháp để có thể vượt ra khỏi sinh tử nơi ba cõi.

Thứ năm, cứu độ “Các Thừa” là Nghiệp. Cứu giúp dẫn dắt các Bồ tát muốn hưởng cầu các Thừa khác và các Thanh văn thuộc chủng tánh Bất định, khiến họ an trụ nơi chốn thiện, tu tập hành hóa theo Đại thừa.

Đối với năm Nghiệp này nên biết là Nghiệp dụng của chư Phật luôn bình đẳng. Nếu là “Lương Nhiếp Luận” thì ở quyển mười lăm.

- Số từ câu: “Hai mươi một thứ công đức” tiếp xuống: Là nêu rõ chỗ giải thích các loại trên, tức là ba Sự như Trí v.v... là chỗ nương tựa chư Phật đều bình đẳng, Vô tánh. Cũng biện minh là đức lợi tha.

- Số từ câu: “Căn cứ nơi mười Thân” tiếp xuống: Gồm hai:

Một: Chính thức giải thích về đồng nghĩa.

Hai: Từ câu: “Đây có ba Nhân” tiếp xuống: Là nêu ra Nhân.

- Bồ tát thứ tám: Bồ tát Ly Cấu Tràng.

- Số câu: “Thể của Chân như là thanh tịnh”: Tức nghĩa ở trong phần Hồi hương thứ tám. Lại “làm thanh tịnh thế gian” là ý của kệ hiện tại.

- Số câu: “Hoặc vọng đã vắng lặng thì Chân Trí chẳng không”: Là phân biệt chỗ khác với cái Không nơi chấp đoạn.

Từ câu: “Khai thị” tiếp xuống: Tức ý nơi Kinh Pháp Hoa: “Khai thị ngộ nhập”.

- Số câu: “Theo niệm liên hiện, nên gọi là Tâm”: Đây có hai ý:

Một: Tùy theo niệm nhiều, ít. Phật cũng đều theo đấy. Như nói nơi một miệng có một Hóa Phật v.v....

Hai: Tùy theo niệm sâu cạn. Phật ứng hiện xứng hợp nên thấy có hơn kém.

Từ câu: “Lại thấu rõ về Tâm-Cảnh” tiếp xuống: Là căn cứ nơi “Quán Tâm” để giải thích nghĩa “Tức Tâm tức Phật”.

- Bồ tát thứ chín: Bồ tát Tinh Tú Tràng.

- Số câu: “Nghĩa là Thân Pháp tánh”: Ở đây, một kệ thứ nhất, thì ba câu trên căn cứ nơi bốn Thân để nêu bày sự biến hiện khắp. Câu thứ tư căn cứ vào mười Thân để nói về sự hiện hữu khắp. Mười Thân này chính là nói về mười Thân như chúng sinh, quốc độ, nên có Hư không xứ tức là Thân Hư không, quốc độ xứ tức là Thân quốc độ v.v... nên không đâu là không có Thân Phật.

- Bồ tát thứ mười: Bồ tát Pháp Tràng.

- Số từ câu: “Kệ của mười Bồ tát trên” tiếp xuống: Là tổng kết.

Nói “Sáu Tướng”: Tức:

Một là Tổng tướng, hiển bày chung về đức của Phật.

Hai là Biệt tướng, tức mười thứ đức khác nhau.

Ba là Đồng tướng, tức đồng biện minh về đức của Phật.

Bốn là Dị tướng, tức mười đức cùng đối chiếu chẳng giống nhau.

Năm là Thành tướng, tức cùng thành tựu đức của Phật.



---

Sáu là Hoại tướng, tức đều trụ nơi tự tánh.

- Từ câu: “Sở dĩ kệ sau cùng” tiếp xuống: Là làm rõ ý về chỗ không có phần tóm kết. Một đoạn sau ấy thì ở hai Hội trước đều không có. Ở đây, đối chiếu với hai Hội trước nên không, cũng là phần sau cùng của ba Hiền.

-----